TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG-TỈNH BẠC LIÊU	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 16/2018/QĐST-HNGĐ	*Phước Long, ngày 09 tháng 02 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lê C.T** – sinh năm 1985.

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ chỗ ở hiện nay: Ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Trần T.L** - sinh năm 1982.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê C.T và anh Trần T.L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê C.T và anh Trần T.L thuận tình ly hôn.

2.2 Về quan hệ con chung: Giao con chung của chị Lê C.T và anh Trần T.L là cháu Trần K.Đ - sinh ngày 31 tháng 10 năm 2005 và cháu Trần M.Q - sinh ngày 08 tháng 3 năm 2012 cho chị Lê C.T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục

và nuôi dưỡng. Anh Trần T.L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Chị Lê C.T không yêu cầu anh Trần T.L cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

2.3 Về quan hệ tài sản và nợ: Chị Lê C.T và anh Trần T.L xác định vợ chồng anh, chị không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết.

2.4 Về án phí: Chị Lê C.T tự nguyện chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị Lê C.T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0010467 ngày 08 tháng 01 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, chuyển thu án phí 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), chị Lê C.T được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thị Đang